

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-PT  
Ngày: 29-01-2021  
V/v “Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thiện Tâm

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 543/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 580/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Trần Văn N, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

***- Bị đơn:*** Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, Long An.

***- Người kháng cáo:*** Ông Trịnh Văn H – Bị đơn.

( Ông N và ông H có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Trần Văn N trình bày:*

Ngày 14-8-2018 AL (ngày 23-9-2018 dương lịch) ông Trịnh Văn H có vay của ông số tiền 21.500.000 đồng với lãi suất 2%/tháng. Ông H có ký biên nhận và có hứa thời gian trả nợ vào vụ Đông xuân 2019 sẽ trả gốc và lãi cho ông nhưng đến hẹn ông H không trả.

Nay ông yêu cầu ông Trịnh Văn H trả cho ông tiền gốc 21.500.000 đồng và lãi suất 1,65%/ tháng, tính từ ngày 23/9/2018 đến nay.

*Bị đơn ông Trịnh Văn H trình bày:*

Ông thừa nhận ngày 23-9-2018 có vay ông N số tiền 13.500.000 đồng và lãi suất 4%/tháng, khi vay ông có ký nhận tiền vào sổ do ông N quản lý, nay ông yêu cầu ông N giao sổ ra để đối chiếu. Từ khi vay đến nay ông N tính lãi suất cao nên ông không có tiền trả lãi và gốc cho ông N, nếu ông N không cung cấp sổ vay nợ thì ông không trả tiền. Đối với biên nhận ngày 14-8-2018 al là không phải chữ ký của ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 160, 161, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn N đối với ông Trịnh Văn H về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Ông Trịnh Văn H có nghĩa vụ trả cho Trần Văn N tổng số tiền 29.364.000 đồng (gồm 21.500.000 đồng tiền gốc và 7.864.000 đồng tiền lãi).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11-8-2020, bị đơn ông Trịnh Văn H nộp đơn kháng cáo chỉ đồng ý trả 15.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày:* Ông căn cứ vào “Giấy vay tiền” ngày 14-8-2018 âm lịch để khởi kiện ông H. Ông khẳng định chữ ký tại giấy vay tiền là do ông H ký.

*Bị đơn Ông Trịnh Văn H trình bày:* Ông chỉ vay của ông N 13.500.000 đồng nhưng không hiểu vì sao ông N viết 21.500.000 đồng. Ông chỉ đồng ý trả 13.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Ông N có ghi sổ nợ nhưng không cung cấp cho Tòa án.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ông N căn cứ vào “Giấy vay tiền” ngày 14-8-2018 âm lịch để chứng minh ông H có vay 21.500.000 đồng và kết luận giám định đúng là chữ ký của ông H. Ông H cho rằng chỉ vay 13.500.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông N yêu cầu ông Trịnh Văn H trả số tiền gốc là 21.500.000 đồng và lãi suất 1.65%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 23-9-2018 đến ngày 28-7-2020 là 7.864.000 đồng.

[2] Tại “Giấy vay tiền” ngày 14-8-2018 âm lịch (nhằm ngày ngày 23-9-2018 dương lịch) có nội dung: Ông Trịnh Văn H có vay của ông N số tiền 21.500.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng, hẹn thu hoạch xong Đông xuân 2019 trả cả gốc lẫn lãi. Người vay tiền là Trịnh Văn H ký tên.

[3] Ông H không thừa nhận có vay của ông Trần Văn N số tiền 21.500.000 đồng nhưng ông H thừa nhận có vay số tiền 13.500.000 đồng. Khi nhận tiền ông có ghi trong sổ nợ do ông N quản lý, ông yêu cầu ông N đưa sổ sách thì ông sẽ trả nợ. Ông N cho rằng không có cho ông H vay 13.500.000 đồng. Ông H cho rằng chữ ký tại “Giấy vay tiền” ngày 14-8-2018 âm lịch không phải của ông.

[4] Tại kết luận giám định số 203/2020/KLGĐ ngày 20-3-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An. Chữ viết “H” ở mục “người vay tiền” trên tờ “Giấy vay tiền” ngày 14-8-2018 âm lịch với chữ viết “H” trong các tài liệu mẫu so sánh do ông H viết là do cùng một người viết ra.

[5] Tại “Giấy vay tiền” ngày 14-8-2018 âm lịch (nhằm ngày ngày 23-9-2018 dương lịch), có thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng. Nhưng ông H chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,65%/tháng, thành tiền 7.864.000 đồng (21.500.000 đồng x 22 tháng 05 ngày x 1,65%/tháng) và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc ông H có có trách nhiệm trả cho ông N tổng số tiền 29.364.000 đồng (gồm 21.500.000 đồng tiền gốc và 7.864.000 đồng tiền lãi) là đúng theo quy định tại Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H cho rằng chỉ vay của ông N 13.500.000 đồng. Ông H kháng cáo cho rằng chỉ vay 15.500.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 15.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng ông H không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận, cần giữ N bản án sơ thẩm.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H là có căn cứ.

**[8] Về án phí dân sự phúc thẩm**

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông H kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

**[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.**

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn H;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng;

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 160, 161, 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với ông Trịnh Văn H về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.**

Buộc ông Trịnh Văn H có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn N tổng số tiền 29.364.000 đồng (gồm 21.500.000 đồng tiền gốc và 7.864.000 đồng tiền lãi).

**2. Về chi phí giám định:**

Ông Trịnh Văn H phải chịu 4.200.000 đồng. Do ông Trần Văn N đã nộp tạm ứng xong nên ông Trịnh Văn H phải hoàn lại cho ông Trần Văn N số tiền 4.200.000 đồng.

**3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.**

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Trịnh Văn H phải chịu 1.468.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông N 608.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008103 ngày 06-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

**5. Về án phí dân sự phúc thẩm**

Ông Trịnh Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005557 ngày 11-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng để thi hành án phí.

**6.** Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Hưng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thu**

